

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 204/2024/HSST

Ngày: 24 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Hoan

2. Bà Hoàng Cúc Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 194/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phùng Quyết T**; Không có tên gọi khác;

Sinh ngày: 05/8/1978, tại tỉnh B;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Số nhà 135, tổ dân phố 3, phường M, thành phố Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông; Con ông: Phùng Xuân T (đã chết), con bà: Đào Thị Q; Vợ: Hoàng Thị Vân A, con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/5/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B xét xử và xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 46 tháng 14 ngày về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án, nên đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/5/2024, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử sơ thẩm (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Hoàng Thị Vân A - sinh ngày: 25/02/1980; Địa chỉ: Số nhà 135, tổ dân 03, phường M, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt).

+ Ông Hoàng Xuân V; Địa chỉ: Tổ dân 03, phường M, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 28/5/2024 bị cáo Phùng Quyết T dùng xe máy điện có BKS 27MDD1 - 08124 đi từ nhà đến bản Xôm, xã Thanh An, huyện B để tìm mua ma túy. Khi đi đến khu vực đầu bản, T dừng xe và đi bộ vào giữa bản gặp và hỏi mua của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ được 01 gói ma túy được gói ngoài bằng mảnh nilon màu hồng, bên trong có các cục chất bột màu trắng đục với giá 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T cho vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi về nhà. Hồi 21 giờ 45 phút cùng ngày khi T đang đi bộ tại khu vực tổ 03, phường M, thành phố Đ thì bị tổ công tác Đội Công an thành phố Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Bị cáo khai đó là ma túy, loại Heroine, bị cáo mua để mục đích sử dụng cho bản thân.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 08 giờ 45 phút, ngày 29/5/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 892/KL-KTHS ngày 03/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu các cục chất bột màu trắng đục gửi giám định thu giữ của bị cáo Phùng Quyết T là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,36 gam.

Tại bản cáo trạng số 128/CT-VKS-TPĐBP ngày 21/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Phùng Quyết T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phùng Quyết T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,27 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu hồng; Tịch thu sung ngân sách $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy điện có BKS: 27MĐ1- 08124, trả lại cho chị Hoàng Thị Vân A $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy điện. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phùng Quyết T không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Hồi 21 giờ 45 phút ngày 28/5/2024 tại tổ dân phố 3, phường M, thành phố Đ, tỉnh B, bị cáo Phùng Quyết T đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,36 gam Heroine, mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 22 giờ 00 phút ngày 28/5/2024, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 08 giờ 45 phút, ngày 29/5/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 892/KL-KTHS ngày 03/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép 0,36 gam chất ma túy, với mục đích để sử dụng của bị cáo Phùng Quyết T là phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 28/5/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B xét xử và xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 46 tháng 14 ngày về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án, nên đương nhiên được xóa án tích.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo là người nghiện ma túy, nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, mà lại tiếp tục phạm tội. Với khối lượng ma túy mà bị cáo đã tàng trữ thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Đối với người đàn ông không quen biết đã bán ma túy cho bị cáo, bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Vật chứng: Đối với 0,27 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định) là vật nhà nước cầm tàng trữ, 01 mảnh nilon màu hồng, là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe máy điện BKS: 27 MĐ1- 08124, quá trình điều tra và tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định là tài sản chung của bị cáo và chị Vân Anh, bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội, nhưng chị Vân A không biết, nên cần tịch thu sung ngân sách $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe, kèm đăng ký xe và trả lại cho chị Vân A $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS.
- Tuyên bố bị cáo Phùng Quyết T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
- Xử phạt bị cáo Phùng Quyết T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (28/5/2024).

2. Vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47/BLHS, khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 0,27 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu hồng. Tịch thu sung ngân sách $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy điện màu sơn vàng, trên vỏ xe có in chữ CLASSY OSAKAR, đeo biển kiểm soát 27MĐ1-081.24, số khung: RMPYXEKGNLV1C3967, số máy: JZ60V800W200703967, tình trạng xe đã cũ, đã qua sử dụng, kèm đăng ký xe mang tên Hoàng Thị Vân Anh. Trả lại cho chị Hoàng Thị Vân A; Địa chỉ: Số nhà 135, tổ dân 03, phường M, thành phố Đ, tỉnh B $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy điện màu sơn vàng, trên vỏ xe có in chữ CLASSY OSAKAR, đeo biển kiểm soát 27MĐ1-081.24 (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/8/2024 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 24/9/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 24/9/2024).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THA TPĐBP;
- TAND tỉnh B;
- HS THA Hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

